

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28/8/2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga
2. Ông Trần Đình Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST- HNGĐ ngày 24/5/2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị N, sinh năm 1987

HKTT: phường K1, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Duy K, sinh năm 1989

HKTT: phường K1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị N trình bày:

Bà N và ông Trần Duy K tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, có tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn tại UBND phường K1, thành phố B, giấy chứng nhận số A ngày B. Vợ chồng chung sống không mấy hạnh phúc ngay từ đầu, do thời gian tìm hiểu không nhiều nên khi về chung sống mới phát hiện các khuyết điểm, bất đồng về quan điểm chính kiến và cách sống. Cả hai cố gắng hòa hợp nhưng không có kết quả, đến đầu tháng 12/2017 thì ly thân nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Duy K:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng; triệu tập ông K đến tòa làm việc, hòa giải và yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng ông đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng đến nay ông K vẫn không đến tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong hạn luật định theo Điều 28, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, việc xét xử vắng mặt bị đơn và trình tự tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”. Căn cứ vào kết quả xác minh thì bị đơn có đăng ký HKTT tại phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng họ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Bà Đặng Thị N và ông Trần Duy K tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Thời gian chung sống với nhau không có hạnh phúc, đã xảy ra nhiều mâu thuẫn xung đột, mâu thuẫn vợ chồng là có thật. Vợ chồng chỉ sống với nhau thời gian ngắn rồi ly thân, mỗi người sống một nơi không thăm hỏi quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết tại Tòa, ông K không hợp tác, không đưa ra ý kiến là thể hiện việc không có thiện chí hòa giải; mặt khác tại phiên tòa bà N vẫn cương quyết xin được ly hôn do bà xác định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau.

Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị N được ly hôn với ông Trần Duy K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008677 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. B đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)/.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND P.K1, Tp B;
- (Số A, ngày B);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

